

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Sau một ngày giằng co trong vùng 1,812 – 1,835, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,829.23 điểm, tăng nhẹ 2 điểm so với hôm qua. 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Du lịch & giải trí giảm mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ và thông tin dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Các ngành khác không có diễn biến đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, UPCOM và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Thanh khoản vốn đã thấp tiếp tục suy giảm trong ngày hôm nay, cho thấy tâm lý e ngại rủi ro vẫn chi phối thị trường.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng cùng chiều với nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 10/09/2026, phần lớn các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+2.11** điểm, đóng cửa tại **1829.23** điểm. HNX-Index **-1.11** điểm, đóng cửa tại **278.37** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.73)**, **FPT (+0.77)**, **VCB (+0.52)**, **STB (+0.52)**, **MWG (+0.41)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-0.72)**, **GAS (-0.54)**, **HPG (-0.35)**, **HVN (-0.28)**, **BSR (-0.26)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,240** tỷ đồng, giảm **-9.02%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,624 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.98 điểm. Thị trường có **132** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **163** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **369.28** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (248.75 tỷ)**, **FPT (219.79 tỷ)**, **SBT (96.23 tỷ)**, **DGW (84.81 tỷ)**, **HPG (41.72 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.17** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.24%**. Các mã diễn biến tích cực:
FPT (+2.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
MWG (+1.82%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+1.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.08%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGW (+6.93%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVT (+3.57%) [\(Link báo cáo\)](#)
CMG (+2.81%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.24%	0.08%	0.12%	0.47%
1 tuần	-1.08%	-2.30%	-0.16%	-0.31%
1 tháng	0.89%	-1.32%	3.15%	2.82%
3 tháng	-1.84%	-7.11%	1.70%	1.52%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,829.23	278.37	126.87
% 1D	0.12%	-0.40%	-0.38%
GTKL (tỷ VND)	11,240	498	276
%1D	-9.02%	-2.09%	-14.23%
GDNN (tỷ VND)	369.28	-4.17	36.05

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	248.75	VHM	-290.69
FPT	219.79	CTG	-74.17
SBT	96.23	HDB	-39.26
DGW	84.81	VND	-37.97
HPG	41.72	MBB	-24.64

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

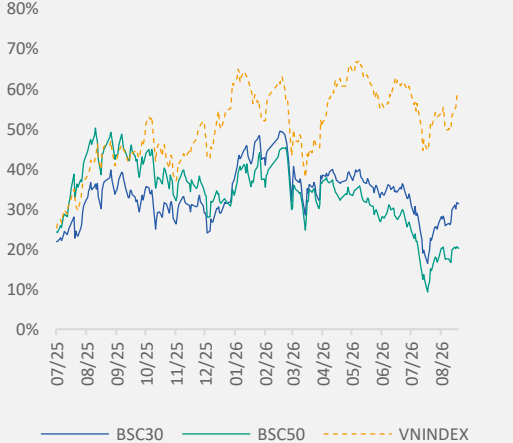
		%D	%W
SPX	7,636	-0.48%	0.06%
FTSE100	8,165	0.10%	-1.46%
Eurostoxx	25,516	-0.15%	-1.89%
Shanghai	3,934	-0.43%	-0.19%
Nikkei	65,271	0.20%	1.65%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	102.06	0.84%
Giá vàng	4,396	-0.05%
Tỷ giá		
USD/VND	25,904	-0.05%
EUR/VND	30,144	-0.19%
JPY/VND	169	-0.05%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.5%	0.00%
LS LNH 1M	6.0%	0.23%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	73.10	1.39%	1.73	16.17
FPT	74.50	2.90%	0.77	13.00
VCB	59.00	0.51%	0.52	3.16
STB	78.00	1.69%	0.52	6.76
MWG	72.90	1.82%	0.41	3.41

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	55.10	5.35%	0.36	1.06
NVB	11.90	0.85%	0.18	0.33
PVS	38.70	0.78%	0.09	1.82
VNT	32.20	9.90%	0.03	0.01
HTC	30.00	7.14%	0.02	0.000

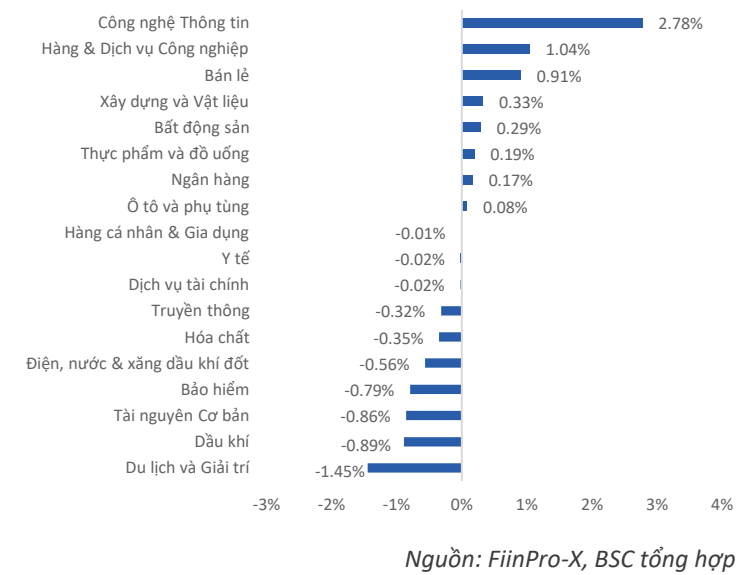
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
HU1	5.35	7.00%	0.00
STG	32.15	6.99%	0.00
DGW	44.75	6.93%	5.03
HID	4.06	6.84%	0.50
HII	10.55	6.57%	0.84

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
NAP	11.10	9.90%	0.00
VNT	32.20	9.90%	0.01
PTD	6.70	9.84%	0.02
SVN	3.40	9.68%	0.68
CTT	17.30	8.81%	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	84.00	-2.21%	-0.72	0.59
GAS	84.60	-1.28%	-0.54	1.15
HPG	21.85	-0.91%	-0.35	13.417
HVN	21.45	-2.05%	-0.28	1.37
BSR	27.10	-0.91%	-0.26	8.65

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%Ngày	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	81.30	-1.33%	-0.58	0.14
KSV	108.00	-2.88%	-0.56	0.04
THD	132.50	-1.49%	-0.45	0.01
IDC	30.80	-0.65%	-0.05	0.89
PTI	18.50	-3.65%	-0.05	0.00

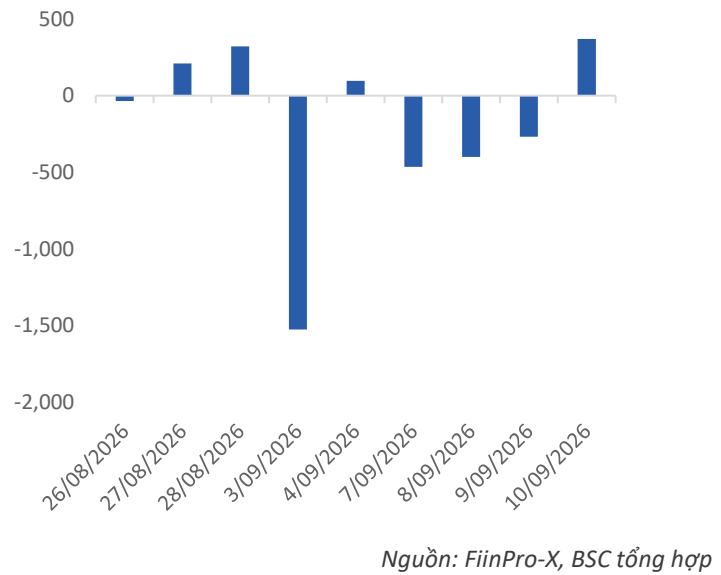
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
SVT	9.40	-9.62%	0.00
FIR	3.26	-6.86%	0.33
TIP	16.30	-6.59%	0.04
SSC	21.60	-4.85%	0.00
NVT	7.60	-4.76%	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%Ngày	KLGD (Tr.CP)
SDN	18.00	-10.00%	0.00
VCM	5.70	-9.52%	0.01
SJ1	16.00	-8.05%	0.00
PJC	29.20	-7.30%	0.00
VNC	33.50	-6.94%	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	72.9	1.8%	1.1	107,583	251.0	6,663	10.9	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.0	0.2%	1.0	25,427	23.5	1,218	22.2	42.4	6.9%	Link
KDH	Bất động sản	17.0	0.0%	1.0	19,078	52.4	1,567	10.9	39.9	24.0%	Link
PDR	Bất động sản	12.0	0.0%	1.0	11,974	43.1	619	19.4	28.2	6.8%	Link
VHM	Bất động sản	73.1	1.4%	1.8	600,504	1154.7	9,730	7.5	132.6	6.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	74.5	2.9%	0.7	127,717	961.5	5,863	12.7	124.4	27.9%	Link
BSR	Dầu khí	27.1	-0.9%	0.0	135,698	237.2	3,974	6.8	-	1.1%	Link
PVS	Dầu khí	38.7	0.8%	1.0	19,792	70.3	4,118	9.4	52.3	15.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.3	-0.2%	0.9	35,504	68.9	1,283	20.5		34.7%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	21.0	0.5%	1.1	63,027	269.3	1,752	12.0		30.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	21.3	0.5%	0.9	24,543	107.2	1,335	16.0		17.0%	Link
DCM	Hóa chất	32.5	-0.5%	0.9	17,206	95.3	4,939	6.6	53.3	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	47.0	0.9%	0.9	17,850	24.7	5,603	8.4	96.7	3.7%	Link
ACB	Ngân hàng	22.4	-0.2%	0.6	130,019	89.2	2,701	8.3	27.1	23.6%	Link
CTG	Ngân hàng	30.6	-0.5%	1.0	237,280	203.1	5,172	5.9	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	27.5	-0.2%	1.1	137,395	428.3	3,828	7.2	32.7	21.7%	Link
MBB	Ngân hàng	20.1	-0.5%	0.9	202,382	171.1	3,223	6.2	32.4	22.1%	Link
MSB	Ngân hàng	13.0	0.4%	0.8	48,485	38.5	1,573	8.2	14.0	7.2%	Link
STB	Ngân hàng	78.0	1.7%	0.5	147,047	507.2	1,634	47.7		10.8%	Link
TCB	Ngân hàng	32.4	0.0%	1.1	229,594	201.4	3,829	8.5	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	14.5	0.0%	1.0	40,085	61.8	2,732	5.3	-	22.0%	Link
VCB	Ngân hàng	59.0	0.5%	0.7	492,985	186.4	4,984	11.8	-	19.9%	Link
VIB	Ngân hàng	13.7	0.0%	0.7	51,065	90.6	1,991	6.9	23.0	3.4%	Link
VPB	Ngân hàng	27.5	0.4%	1.1	218,183	375.9	3,758	7.3	36.5	22.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.9	-0.9%	0.8	184,479	294.4	2,750	8.0	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.5	-0.9%	0.8	8,476	21.5	813	12.9	14.3	3.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.5	-0.6%	0.7	7,112	20.8	2,679	6.2	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.7	0.4%	0.9	100,328	213.7	4,632	14.8	100.4	24.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.6	0.5%	0.5	128,741	116.6	5,246	11.7	78.0	49.8%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.8	6.93%	1.0	9,995	219.5	3,784	11.8	24.3%	23.8%	Link
FRT	Bán lẻ	140.0	-0.36%	0.9	25,034	135.8	6,359	22.0	33.3%	27.5%	Link
BVH	Bảo hiểm	63.0	-0.79%	0.9	46,766	12.5	4,472	14.1	27.2%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.3	0.00%	0.9	8,653	18.7	987	10.4	2.6%	8.1%	Link
DXG	Bất động sản	11.3	-0.44%	0.9	14,266	82.4	157	71.8	16.5%	1.4%	Link
HDC	Bất động sản	11.5	-1.29%	0.9	2,630	7.5	2,389	4.8	1.1%	23.0%	Link
IDC	Bất động sản	30.8	-0.65%	1.0	12,857	27.5	5,201	5.9	14.8%	32.7%	Link
NLG	Bất động sản	24.8	-1.78%	0.8	12,030	29.0	1,407	17.6	37.4%	5.2%	Link
SIP	Bất động sản	49.0	0.00%	0.9	11,864	2.5	5,867	8.4	2.3%	27.7%	Link
SZC	Bất động sản	19.5	-0.77%	1.0	3,501	5.5	887	21.9	1.2%	5.0%	Link
TCH	Bất động sản	12.1	-0.82%	1.1	12,140	44.8	312	38.7	10.1%	2.6%	Link
VIC	Bất động sản	247.7	0.00%	1.6	1,922,694	1112.3	2,753	90.0	3.1%	13.9%	Link
VRE	Bất động sản	26.5	0.57%	1.5	60,103	102.3	3,191	8.3	11.2%	15.0%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	23.8	2.81%	0.9	5,531	4.9	1,692	14.0	36.4%	12.3%	Link
PLX	Dầu khí	35.5	-0.84%	1.0	45,106	127.3	2,528	14.0	14.1%	12.5%	Link
PVD	Dầu khí	18.5	-0.80%	0.9	17,163	82.4	1,199	15.4	8.6%	6.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	21.4	0.00%	1.1	8,157	11.0	1,105	19.4	24.5%	9.5%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	17.1	0.00%	1.1	17,116	41.5	1,828	9.4	0.3%	14.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	84.6	-1.28%	1.0	204,136	98.4	5,269	16.1	2.1%	18.9%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.2	-0.31%	0.9	6,572	13.5	2,298	7.0	16.0%	13.8%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	-0.39%	0.9	39,422	55.2	2,049	6.3	3.9%	16.2%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.5	0.22%	0.4	28,365	7.0	4,238	10.7	48.9%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	125.2	0.16%	0.6	96,290	112.9	2,830	44.2	6.1%	8.6%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.1	1.83%	1.1	32,777	112.3	1,049	23.9	6.3%	7.5%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	75.2	-0.53%	0.7	32,554	24.2	6,028	12.5	39.1%	19.3%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.1	1.07%	0.5	9,036	15.5	6,642	7.1	7.3%	27.1%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.8	3.57%	0.8	11,243	255.4	2,761	7.9	14.6%	16.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.8	0.79%	0.7	10,256	44.6	2,199	23.1	3.7%	18.3%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	38.2	0.66%	0.8	19,548	62.9	4,780	8.0	45.1%	18.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.8	-0.30%	0.7	1,976	6.4	1,872	9.0	48.0%	9.1%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.5	0.00%	0.8	2,124	3.0	3,465	4.8	21.5%	22.0%	Link
DPM	Hóa chất	22.6	-0.88%	0.8	15,366	61.2	2,608	8.7	3.5%	15.6%	Link
GVR	Hóa chất	31.7	-0.47%	1.5	126,800	30.8	1,751	18.1	0.6%	12.0%	Link
EIB	Ngân hàng	16.9	0.60%	1.0	31,387	47.4	264	63.8	1.1%	1.9%	Link
LPB	Ngân hàng	48.2	0.00%	0.8	143,838	279.2	3,780	12.7	1.5%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	11.3	0.00%	0.5	24,287	72.0	2,257	5.0	1.0%	19.5%	Link
OCB	Ngân hàng	10.2	0.49%	0.7	31,238	12.1	1,454	7.0	19.3%	13.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	10.7	-0.93%	0.7	5,243	7.2	338	31.5	4.8%	2.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.2	-0.61%	1.0	4,313	4.3	3,248	5.0	2.5%	23.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.2	0.31%	0.5	11,747	36.1	256	125.6	4.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.9	0.45%	0.6	57,523	17.8	3,723	12.1	58.8%	22.3%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.6	-0.96%	0.7	10,808	14.4	6,485	8.0	18.0%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.0	1.28%	0.2	11,624	8.5	15,674	9.1	82.3%	42.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	59.0	-1.83%	0.8	6,598	23.5	7,046	8.4	46.7%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	73.6	-0.81%	0.8	9,429	6.4	5,110	14.4	5.7%	30.2%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	27.7	-0.18%	0.8	3,285	5.5	3,530	7.9	18.4%	14.9%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.8	-0.61%	0.8	5,642	14.8	1,164	8.4	10.3%	5.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.5	-1.21%	0.6	8,411	21.6	2,809	7.3	8.2%	17.9%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.5	-0.32%	0.7	10,787	24.9	5,869	2.6	2.0%	35.6%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.5	2.47%	0.9	18,607	24.5	3,174	13.1	0.9%	16.2%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Click
2	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Click
3	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Click
4	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Click
5	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Click
7	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
8	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
9	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
10	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
11	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
12	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
13	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
14	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
15	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
16	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
17	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
18	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
19	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
20	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
21	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
22	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
23	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
24	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>